



FDI tại Việt Nam

Tổng kết 2024 và Triển vọng 2025

Ngày tổng hợp: 13/4/2025

Tuyên bố trách nhiệm: Các thông tin trong bài viết được tổng hợp từ nhiều nguồn. Tác giả không chịu bất cứ trách nhiệm nào về vấn đề pháp lý nếu có phát sinh từ các thông tin đó.

Thomas (Binh) Do



1. Đặt vấn đề

Từ năm 1986, Việt Nam tích cực thu hút vốn FDI, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, giúp nước ta chuyển từ nền kinh tế chậm phát triển thành quốc gia có thu nhập trung bình.

Tuy nhiên, vai trò của FDI vẫn gây nhiều tranh cãi: một số học giả nhấn mạnh đóng góp của FDI trong tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và chuyển giao công nghệ, đặc biệt trong ngành chế biến, chế tạo và xuất khẩu.

Ngược lại, nhiều ý kiến chỉ trích các hệ lụy tiêu cực như ô nhiễm môi trường, thất thoát do chuyển giá và mức lương thấp cho lao động Việt Nam.

Do đó, việc đánh giá toàn diện tác động của FDI là cần thiết để định hướng chính sách thu hút đầu tư trong tương lai.

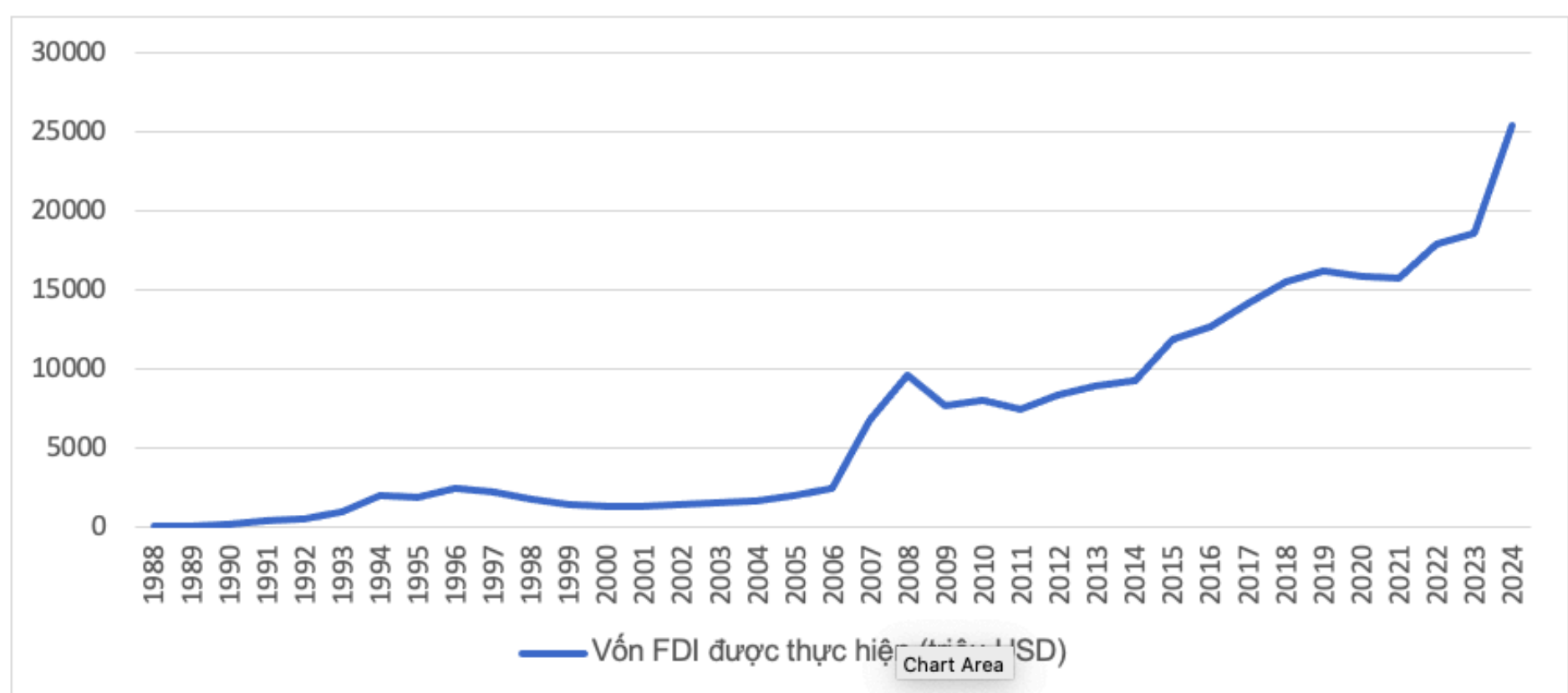


2. Tổng quan FDI vào Việt Nam

Việt Nam trở thành điểm đến FDI đáng chú ý từ sau cải cách “Đổi Mới” năm 1986, **chính thức thu hút FDI từ năm 1988** sau khi ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987). Ban đầu, dòng vốn FDI còn hạn chế với **0,01 tỷ USD năm 1988**. Tuy nhiên, FDI đã tăng trưởng mạnh mẽ qua các thập kỷ, đạt **1,6 tỷ USD giai đoạn 1988-1990** và tăng vọt lên **17 tỷ USD trong giai đoạn 1991-1995**. Năm **1996** đánh dấu cột mốc quan trọng khi Việt Nam thu hút được **10 tỷ USD** vốn FDI.

Vốn đầu tư thực tế vào Việt Nam **đạt đỉnh vào 1995-1996**. Khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998 gây ra giai đoạn trầm lắng đến 2001. Sau cải cách chính sách và các hiệp định thương mại (bao gồm với Mỹ năm 2001 và gia nhập WTO năm 2006), FDI tăng trưởng mạnh mẽ, đạt **45,2 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2008**. Gần đây, năm **2023** Việt Nam thu hút **18,50 tỷ USD** FDI. Năm **2024**, vốn FDI đăng ký đạt **38,23 tỷ USD (tăng 3%)** và vốn giải ngân đạt kỷ lục **25,35 tỷ USD (tăng 9,4%)**.

Hình 1: Vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện trong giai đoạn 1988 – 2024



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của World Bank (2023, 2024, 2025) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022, 2024, 2025).



3. FDI vào Việt Nam 2024

Bảng 1. Vốn đăng ký FDI tại Việt Nam theo ngành đầu tư năm 2024

Ngành/Lĩnh vực	Giá trị (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
Chế biến, chế tạo	25,58	66,9
Bất động sản	6,31	16,5
Sản xuất, phân phối điện	1,42	3,7
Bán buôn, bán lẻ	1,41	3,7
Năng lượng tái tạo	0,89	2,3
Nông – Lâm – Thủy sản	0,46	1,2
Khác	2,18	5,7

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2024.

- **Vốn Đăng ký:** Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong năm **2024** (bao gồm vốn cấp mới, vốn điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần - GVMCP) đạt gần **38,23 tỷ USD**. Con số này thể hiện sự sụt **giảm nhẹ 3%** so với mức nền cao của năm 2023.
- **Vốn thực hiện (Giải ngân):** Điểm sáng nổi bật năm 2024 với mức giải ngân FDI đạt **kỷ lục 25,35 tỷ USD, tăng 9,4%** so với 2023 – mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy năng lực triển khai dự án và môi trường đầu tư ổn định.
- **Dự án mới:** Có **3.375 dự án được cấp mới, tăng 1,8%** về số lượng nhưng tổng vốn đăng ký chỉ đạt **19,7 tỷ USD, giảm 7,6%**, cho thấy quy mô trung bình dự án nhỏ hơn hoặc ít dự án lớn được cấp mới.
- **Vốn điều chỉnh:** Có **1.539 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn**, với tổng vốn tăng thêm gần **14 tỷ USD, tăng mạnh 50,4%** so với 2023. Điều này phản ánh niềm tin và cam kết mở rộng của nhà đầu tư hiện hữu.
- **Góp vốn, mua cổ phần (GVMCP):** Có **3.502 lượt GVMCP, giảm nhẹ 2,4%** về số lượng; tổng vốn góp đạt **4,54 tỷ USD, giảm mạnh 48,1%**, cho thấy hoạt động M&A giảm tốc.
- **FDI lũy kế:** Đến cuối 2024, Việt Nam có **42.002 dự án FDI còn hiệu lực** với tổng vốn đăng ký **502,8 tỷ USD**; vốn thực hiện lũy kế đạt **322,5 tỷ USD, tương đương 64,1%** tổng vốn đăng ký.



3. FDI vào Việt Nam 2024

Bảng 2: Thống kê FDI chủ yếu của Việt Nam (2020-2024)							
Năm	Tổng Vốn Đăng ký (tỷ USD)	Thay đổi YoY (%)	Vốn Thực hiện (tỷ USD)	Thay đổi YoY (%)	Số Dự án Mới	Số Lướt Dự án Điều chỉnh Vốn	Số Lướt GVMCP
2020	28.53	-25.0%	19.98	-2.0%	2,523	1,140	6,141
2021	31.15	+9.2%	19.74	-1.2%	1,738	985	3,797
2022	27.72	-11.0%	22.40	+13.5%	2,036	1,107	3,566
2023	39.41 (ước tính)	+42.2%	23.18	+3.5%	3,315	1,384	3,588
2024	38.23	-3.0%	25.35	+9.4%	3,375	1,539	3,502

- Phân hóa giữa Vốn Đăng ký và Vốn Thực hiện:** Năm 2024 ghi nhận sự chênh lệch rõ giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện. **Tổng vốn đăng ký giảm nhẹ 3%**, trong khi **vốn thực hiện đạt mức kỷ lục 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%)** và **vốn điều chỉnh tăng mạnh 50,4%**. Điều này phản ánh sự trưởng thành của môi trường đầu tư: dù thu hút cam kết mới gặp khó khăn, nhà đầu tư hiện hữu vẫn duy trì niềm tin, mạnh dạn tăng vốn và mở rộng hoạt động. **FDI đang trở nên thực chất hơn, không còn phụ thuộc vào những cam kết mới quy mô lớn.**
- Thay đổi trong Cơ cấu Hoạt động FDI:** Số dự án mới tăng nhưng vốn giảm, cho thấy quy mô trung bình nhỏ hơn hoặc thiếu các siêu dự án. Ngược lại, vốn điều chỉnh tăng mạnh phản ánh làn sóng tái đầu tư, nhờ động lực như dịch chuyển chuỗi cung ứng và kinh nghiệm tích cực tại Việt Nam. Trong khi đó, hoạt động M&A giảm mạnh (giá trị GVMCP giảm 48,1%) do lo ngại định giá, rào cản pháp lý hoặc thay đổi chiến lược. **FDI năm 2024 chủ yếu đến từ sự gắn bó của nhà đầu tư hiện hữu – minh chứng cho một thị trường đang trưởng thành và ổn định.**



4. Phân tích cơ cấu 2024 – theo Ngành

Bảng 3: Vốn FDI Đăng ký theo Ngành hàng đầu, 2024

Ngành/Lĩnh vực	Vốn Đăng ký (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi YoY (%)
Công nghiệp Chế biến, Chế tạo	25.58	66.9%	+1.1%
Kinh doanh Bất động sản	6.31	16.5%	+18.8%
Sản xuất, Phân phối Điện	~1.42	~3.7%	N/A
Bán buôn, Bán lẻ	~1.41	~3.7%	N/A
Các ngành khác	~3.51	~9.2%	N/A
Tổng cộng	38.23	100.0%	-3.0%

- **Công nghiệp chế biến, chế tạo:** Vẫn là lĩnh vực thu hút FDI mạnh nhất với **25,58 tỷ USD, chiếm 66,9%** tổng vốn đăng ký và tăng nhẹ 1,1%. Vốn giải ngân đạt 20,62 tỷ USD, chiếm 81,4%, khẳng định vai trò trung tâm sản xuất của Việt Nam trong khu vực.
- **Bất động sản:** Đứng thứ hai với **6,31 tỷ USD (16,5%)**, tăng mạnh 18,8%. Dòng vốn đổ vào chủ yếu do nhu cầu bất động sản công nghiệp và các dự án đô thị lớn, cho thấy niềm tin phục hồi vào thị trường.
- **Ngành chủ chốt khác:** Điện (1,42 tỷ USD) và Bán buôn, bán lẻ (1,41 tỷ USD) tiếp tục được quan tâm. Ngành bán lẻ dẫn đầu về số dự án mới (34,7%) và lượt GVMCP (40,9%). Các lĩnh vực tài chính, kho bãi, ICT cũng thu hút vốn đáng kể.
- **Trọng tâm mới nổi:** Các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, AI, điện tử và năng lượng xanh nhận được sự quan tâm ngày càng lớn, phù hợp với chiến lược FDI có chọn lọc của Chính phủ và xu hướng toàn cầu.



5. Phân tích cơ cấu 2024 – theo Đối tác

Bảng 4: Vốn FDI Đăng ký theo Đối tác hàng đầu, 2024				
Đối tác Đầu tư	Vốn Đăng ký (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi YoY (%)	Dẫn đầu về Loại hình Đầu tư?
Singapore	10.21	26.7%	+31.4%	Vốn đăng ký mới (theo giá trị)
Hàn Quốc	7.06	18.5%	+37.5%	Số lượt điều chỉnh vốn, Số lượt GVMCP
Trung Quốc	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	Số dự án mới (theo số lượng)
Hồng Kông (TQ)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	
Nhật Bản	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	
Top 5 Đối tác	~29.8 (ước tính)	~78.1%		
Các đối tác khác	~8.4	~21.9%		
Tổng cộng (114)	38.23	100.0%	-3.0%	

- Dù FDI vẫn chủ yếu đến từ các đối tác châu Á, chiến lược đầu tư giữa các nước lại rất khác nhau. Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản và Hồng Kông tiếp tục thống trị do lợi thế địa lý và liên kết thương mại khu vực như RCEP.
- **Trung Quốc** dẫn đầu về số lượng dự án mới, chủ yếu là các khoản đầu tư nhỏ, phù hợp với chiến lược “Trung Quốc +1”. **Hàn Quốc** nổi bật ở số lượt điều chỉnh vốn và GVMCP, phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ của các tập đoàn lớn như Samsung và LG đã hiện diện lâu năm tại Việt Nam. **Singapore** dẫn đầu về tổng vốn đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn về hạ tầng và bất động sản, giữ vai trò trung tâm vốn khu vực.
- **Mỹ và EU** tuy vốn đầu tư thấp hơn, nhưng lại tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như công nghệ cao và năng lượng xanh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.
- Việc nắm rõ đặc điểm từng đối tác – đầu tư nhỏ từ Trung Quốc, mở rộng sâu từ Hàn Quốc, dòng vốn lớn từ Singapore, hay đầu tư công nghệ từ Mỹ/EU – là yếu tố then chốt để xây dựng chính sách FDI hiệu quả. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào các nước châu Á cũng khiến Việt Nam dễ bị ảnh hưởng bởi các biến động khu vực.



6. Phân tích cơ cấu 2024 – theo Địa phương

Bảng 5: Vốn FDI Đăng ký theo Địa phương hàng đầu, 2024

Tỉnh/Thành phố	Vốn Đăng ký (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi YoY (%) / So với 2023	Dẫn đầu về Loại hình Đầu tư?
Bắc Ninh	5.12	13.4%	Gấp >2.8 lần	
Hải Phòng	4.94	12.9%	+42.4%	
TP. Hồ Chí Minh	3.04	8.0%	-49.4%	Số dự án mới, Số lượt ĐCV, Số lượt GVMCP
Quảng Ninh	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	
Hà Nội	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	
Bình Dương	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	(Số liệu cần xác minh)	
Top 10 Tỉnh	~26.5 (ước tính)	~69.4%		
Các tỉnh khác	~11.7	~30.6%		
Tổng cộng (63)	38.23	100.0%	-3.0%	

- **Bắc Ninh** dẫn đầu với 5,12 tỷ USD (13,4% tổng vốn), tăng mạnh gấp 2,8 lần nhờ các dự án điện tử lớn (Samsung Display, Amkor).
- **Hải Phòng** xếp thứ hai với 4,94 tỷ USD (12,9%), tăng 42,4%, chủ yếu nhờ mở rộng từ LG Display.
- **TP.HCM** đứng thứ ba với 3,04 tỷ USD (8%), giảm 49,4%. Tuy nhiên, thành phố vẫn dẫn đầu về số lượng dự án mới (42%), điều chỉnh vốn (15,4%) và GVMCP (69%).
- Các địa phương khác như **Quảng Ninh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Nghệ An, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Giang, Hưng Yên** cũng thu hút lượng FDI đáng kể.
- Xu hướng phân hóa địa lý rõ nét: **miền Bắc, đặc biệt là Bắc Ninh và Hải Phòng**, nổi bật với các **dự án công nghệ cao quy mô lớn**, nhờ cụm công nghiệp phát triển, cơ sở hạ tầng tốt và vị trí gần Trung Quốc. Trong khi đó, **TP.HCM** vẫn giữ vai trò **trung tâm dịch vụ, sản xuất đa ngành và M&A**. Sự giảm vốn đăng ký chỉ phản ánh thiếu vắng siêu dự án trong năm, không phải do mất hấp dẫn.
- **Miền Nam, với Bình Dương** là điển hình, vẫn là trụ cột công nghiệp quan trọng. Việc phát triển hạ tầng đồng bộ ở cả hai miền là yếu tố then chốt để duy trì và nâng cao sức hút FDI.



7. Các dự án FDI tiêu biểu 2024

Bảng 6: Ví dụ về các Dự án FDI Lớn được Cấp phép/Công bố năm 2024

Công ty/Tập đoàn	Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Ngành/Lĩnh vực	Quy mô Đầu tư (USD)	Địa điểm	Mô tả/Ý nghĩa
Samsung Display	Hàn Quốc	Điện tử (OLED)	1.8 tỷ (điều chỉnh)	Bắc Ninh	Tăng vốn lớn, khẳng định vị thế sản xuất màn hình (Lưu ý: có đề cập 1.2 tỷ cấp phép đầu 2025)
Amkor Technology	Hoa Kỳ	Bán dẫn (Đóng gói)	1.07 tỷ (bổ sung)	Bắc Ninh	Mở rộng nhà máy bán dẫn, đẩy nhanh kế hoạch đầu tư 1.6 tỷ USD
LG Display	Hàn Quốc	Điện tử (OLED)	1 tỷ (bổ sung)	Hải Phòng	Nâng tổng vốn đầu tư lên 5.65 tỷ USD, một trong những dự án lớn nhất của LG tại Việt Nam
Chery Automobile	Trung Quốc	Ô tô	800 triệu	Thái Bình	Xây dựng nhà máy sản xuất ô tô quy mô lớn, theo nhiều giai đoạn
Nvidia	Hoa Kỳ	AI / R&D	(Chưa công bố vốn)	(Chưa rõ)	Kế hoạch thành lập trung tâm R&D AI, tín hiệu chiến lược quan trọng
Hyosung	Hàn Quốc	Đa ngành	(Kế hoạch 4 tỷ)	(Nhiều nơi)	Kế hoạch đầu tư thêm 4 tỷ USD vào Việt Nam
Lego	Đan Mạch	Sản xuất (Đồ chơi)	1.3 tỷ	Bình Dương	Nhà máy lớn, tiêu chuẩn cao, sắp đi vào hoạt động



7. Các dự án FDI tiêu biểu 2024

- Bên cạnh những con số ấn tượng, năm 2024 chứng kiến làn sóng đầu tư mở rộng quy mô từ các tập đoàn lớn như **Foxconn, Goertek, Geleximco-Omoda, P&G, Adani Group**, và các doanh nghiệp Nhật Bản (**Sumitomo, Aeon, Mitsubishi, Canon, Toto Vietnam**), **Hyundai Aluminium Vina**, cũng như sự quan tâm từ các nhà cung cấp của **Apple, SpaceX**.
- Các dự án lớn không chỉ có giá trị vốn cao mà còn mang ý nghĩa chiến lược. Việc mở rộng của các tập đoàn công nghệ toàn cầu như **Samsung, LG, Amkor** phản ánh mức độ hài lòng và cam kết lâu dài tại Việt Nam. Đặc biệt, đầu tư vào bán dẫn (Amkor) và sự quan tâm của các công ty AI như **Nvidia** phù hợp với định hướng phát triển công nghệ cao của quốc gia.
- Những dự án này đóng vai trò như “mỏ neo” chiến lược, thu hút thêm các nhà cung cấp vệ tinh trong cùng chuỗi giá trị. Sự hiện diện của **Chery** (Trung Quốc) không chỉ củng cố vị thế Việt Nam trong chuỗi cung ứng xuất khẩu, mà còn khẳng định tiềm năng thị trường ô tô nội địa và khu vực.
- Quan trọng hơn, các dự án này tạo ra tác động lan tỏa lớn thông qua việc làm, chuyển giao công nghệ, phát triển nhà cung ứng nội địa và nhu cầu hạ tầng. Chúng là tín hiệu mạnh mẽ về năng lực và tiềm năng của Việt Nam trong việc nâng cấp công nghiệp, đặc biệt trong sản xuất tiên tiến và công nghệ cao.



FOXCONN®

P&G

adani



SPACEX



8. Động lực & thách thức FDI vào Việt Nam

Bối cảnh toàn cầu: Chuỗi Cung ứng, Địa chính trị và Những Cơ gió ngược Kinh tế

- **Đa dạng hóa Chuỗi Cung ứng (“Trung Quốc +1”)**: Việt Nam tiếp tục là một trong những điểm đến hưởng lợi chính từ nỗ lực tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Các doanh nghiệp tìm cách giảm thiểu rủi ro địa chính trị và đa dạng hóa cơ sở sản xuất, và Việt Nam nổi lên như một lựa chọn hấp dẫn. Xu hướng này tiếp tục là động lực quan trọng cho FDI vào lĩnh vực sản xuất.
- **Yếu tố Địa chính trị**: Căng thẳng địa chính trị gia tăng trên toàn cầu vừa có thể thúc đẩy xu hướng đa dạng hóa về phía Việt Nam, nhưng cũng tạo ra sự không chắc chắn và nguy cơ gián đoạn thương mại. Việt Nam cần có những chính sách khôn khéo để tránh bị cuốn vào các tranh chấp thương mại (ví dụ, lo ngại về việc hàng hóa Trung Quốc được chuyển hướng qua Việt Nam để tránh thuế quan).
- **Suy giảm/Bất ổn Kinh tế Toàn cầu**: Nhu cầu toàn cầu yếu hơn dự kiến và lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao là những rủi ro đối với các dự án FDI định hướng xuất khẩu và dòng vốn đầu tư nói chung.



8. Động lực & thách thức FDI vào Việt Nam

Các Yếu tố Trong nước: Cân bằng giữa Điểm mạnh và Thách thức

Điểm mạnh:

- **Ổn định Chính trị:** Được xem là một lợi thế cạnh tranh cốt lõi và luôn được các nhà đầu tư đánh giá cao.
- **Tăng trưởng Kinh tế Mạnh mẽ:** Việt Nam duy trì quỹ đạo tăng trưởng kinh tế vững chắc, thường vượt trội so với các nước trong khu vực.
- **Lao động Cạnh tranh:** Lực lượng lao động dồi dào, trẻ, có khả năng đào tạo và chi phí cạnh tranh. Việt Nam đang trong giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”.
- **Mạng lưới FTA Rộng khắp:** Tiếp cận các thị trường lớn thông qua nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP, RCEP, UKVFTA... tạo lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh.
- **Cam kết của Chính phủ:** Nỗ lực chủ động thu hút FDI, cải thiện môi trường kinh doanh, đưa ra các chính sách ưu đãi. Vị trí địa lý chiến lược. Thị trường nội địa ngày càng phát triển.

Điểm yếu/Thách thức:

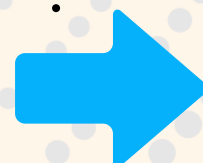
- **Bất ổn Định chế/Thủ tục Hành chính:** Hệ thống pháp luật và quy định còn phức tạp, đôi khi thiếu minh bạch, thủ tục hành chính chậm chạp và nguy cơ tham nhũng vẫn là những mối lo ngại. Cần tiếp tục cải cách quản trị.
- **Hạ tầng Còn Hạn chế:** Mặc dù đang được cải thiện, cơ sở hạ tầng (logistics, năng lượng, kỹ thuật số) vẫn cần được nâng cấp đáng kể để đáp ứng nhu cầu đầu tư quy mô lớn và tránh tắc nghẽn. An ninh năng lượng là một vấn đề (ví dụ, tình trạng thiếu điện).
- **Thiếu hụt Lao động Chất lượng cao:** Dù lực lượng lao động dồi dào, tình trạng thiếu hụt lao động có kỹ năng cao, đặc biệt cho các ngành công nghệ cao, đang trở thành một rào cản ngày càng lớn. Cần đầu tư mạnh mẽ vào phát triển nguồn nhân lực. Sự không khớp giữa đào tạo và nhu cầu thị trường cũng là một vấn đề.
- **Khoảng cách trong Thực thi:** Những thách thức trong việc thực thi hiệu quả các chính sách và giải ngân vốn đầu tư công.
- **Chi phí Gia tăng:** Mặc dù vẫn cạnh tranh, chi phí lao động và chi phí hoạt động đang có xu hướng tăng lên.



8. Động lực & thách thức FDI vào Việt Nam

Các Sáng kiến Chính sách và Thay đổi Quy định Chính ảnh hưởng đến FDI (2024/Đầu 2025)

- **Nghị quyết 57/NQ-CP (ban hành tháng 4/2024)** đã góp phần tăng tính cạnh tranh trong thu hút FDI của Việt Nam thông qua cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt. Nhờ đó, nhiều dự án lớn trong các lĩnh vực công nghệ cao, bán dẫn, năng lượng xanh và AI đã được thu hút hoặc mở rộng, điển hình là Samsung, LG, Amkor, Foxconn. Nghị quyết cũng giúp cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương và doanh nghiệp, qua đó nâng cấp chất lượng dòng vốn FDI, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam.
- **Thuế Tối thiểu Toàn cầu (GMT):** Việc áp dụng GMT từ tháng 1 năm 2024 đòi hỏi Việt Nam phải điều chỉnh các chính sách ưu đãi thuế truyền thống. Trọng tâm đang chuyển sang các biện pháp hỗ trợ phi thuế quan như hỗ trợ phát triển hạ tầng, R&D, đào tạo nguồn nhân lực. Một Quỹ Hỗ trợ Đầu tư đã được thành lập để triển khai các biện pháp này.
- **Chiến lược Công nghệ cao/Bán dẫn:** Chính phủ đã ban hành các chiến lược và nghị định nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các ngành công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp bán dẫn.
- **Quy hoạch Điện 8 (PDP-8):** Kế hoạch thực hiện PDP-8 được phê duyệt vào tháng 4 năm 2024, định hướng phát triển ngành năng lượng, bao gồm cả năng lượng tái tạo. Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JET-P) cũng đang được triển khai.
- **Sửa đổi Luật:** Các luật quan trọng như Luật Các Tổ chức Tín dụng, và có thể cả Luật Đất đai, Luật Kinh doanh Bất động sản đang được sửa đổi nhằm cải thiện tính minh bạch và hiệu quả.
- **Cải cách Hành chính:** Nỗ lực liên tục nhằm đơn giản hóa thủ tục, cải thiện chính phủ điện tử.
- **Nỗ lực Chống tham nhũng:** Các chiến dịch chống tham nhũng tiếp tục được đẩy mạnh.



9. Triển vọng FDI Việt Nam 2025

- Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng **GDP năm 2025 ở mức 8%**, với **FDI là động lực chủ chốt**. Ưu tiên chính sách tập trung vào công nghệ cao, năng lượng xanh, sản xuất tiên tiến và R&D, đi cùng cải cách hành chính, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực. Việc triển khai Quỹ Hỗ trợ Đầu tư sau GMT và tái cơ cấu hành chính cấp địa phương cũng là yếu tố đáng chú ý. Các hoạt động xúc tiến đầu tư và đối thoại với tập đoàn toàn cầu tiếp tục được đẩy mạnh.

Bảng 7: So sánh Dự báo Tăng trưởng GDP và FDI của Việt Nam, 2025

Tổ chức Dự báo	Dự báo Tăng trưởng GDP 2025 (%)	Dự báo FDI 2025 (tỷ USD)	Giả định/Ghi chú chính
World Bank (WB)	6.8%	Giải ngân ~25 tỷ	Phục hồi xuất khẩu, FDI ổn định, đầu tư công tăng tốc
IMF	6.1%	(Dự báo cụ thể cần xác minh)	Nhu cầu bên ngoài mạnh mẽ, FDI vững chắc, chính sách hỗ trợ
ADB	6.6%	(Dự báo cụ thể cần xác minh)	Phục hồi nhu cầu xuất khẩu, FDI mạnh mẽ
Standard Chartered	6.7%	(Dự báo cụ thể cần xác minh)	
Chính phủ Việt Nam	8%+	(Mục tiêu cụ thể cần xác minh)	Nỗ lực đạt mục tiêu cao
Các nguồn khác (ước tính)		Đăng ký 30-40 tỷ	Kỳ vọng làn sóng đầu tư mới



9. Triển vọng FDI Việt Nam 2025

Các Ngành Tiềm năng Cao và Cơ hội Mới nổi

- **Sản xuất Công nghệ cao:** Bán dẫn, điện tử, AI, các trung tâm R&D tiếp tục là mục tiêu hàng đầu.
- **Năng lượng Xanh:** Tiềm năng lớn trong năng lượng mặt trời, điện gió và hạ tầng bền vững, được thúc đẩy bởi Quy hoạch Điện 8 và cam kết Net-Zero.
- **Kinh tế Số:** Thương mại điện tử, Fintech, Logistics, Trung tâm dữ liệu được thúc đẩy bởi dân số trẻ và chính sách chuyển đổi số của chính phủ.
- **Sản xuất Tiên tiến:** Chuyển dịch từ lắp ráp sang các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn.
- **Bất động sản Công nghiệp & Logistics:** Hỗ trợ cho sự bùng nổ sản xuất và dịch chuyển chuỗi cung ứng.
- **Hàng Tiêu dùng & Bán lẻ:** Được thúc đẩy bởi tầng lớp trung lưu gia tăng và nhu cầu nội địa.
- **Y tế & Dược phẩm:** Nhu cầu ngày càng tăng do yếu tố nhân khẩu học và nhận thức về sức khỏe được nâng cao.

Các Thách thức Dự kiến và Giảm thiểu Rủi ro

- **Tác động từ Bên ngoài:** Tăng trưởng toàn cầu chậm lại, căng thẳng thương mại, bất ổn địa chính trị vẫn là những rủi ro chính.
- **Năng lực Thực thi Trong nước:** Việc thực hiện hiệu quả đầu tư công, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết các điểm nghẽn hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt.
- **Rủi ro Hệ thống Tài chính:** Quản lý nợ xấu (NPLs), rủi ro từ thị trường bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp.
- **Áp lực Lạm phát & Tỷ giá:** Cân bằng giữa việc hỗ trợ tăng trưởng với quản lý lạm phát và biến động tỷ giá tiềm ẩn.
- **Cạnh tranh:** Áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các quốc gia trong khu vực cũng đang nỗ lực thu hút FDI chất lượng cao.



Thank you for reading!

**Repost nếu bạn nghĩ tài liệu
hữu ích cho người khác.**

**Hãy nhấn Connect với mình để
cùng trao đổi giá trị nhé!**

Cheers!

Thomas (Binh) Do